

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NGỌC HIỂN  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26-6-2018

“Về việc tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Hồng Nghi.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lê Xuân Thanh;

Ông Lê Quốc Trung.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc San, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 98/2018/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2018 về “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Thang Thanh T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau.

**- Bị đơn:** Anh Trịnh Văn Y, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

*Các đương sự có mặt tại phiên tòa.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Thang Thanh T trình bày:**

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn Y kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng tính tình không hợp nhau, anh Y không lo lắng cho vợ con, tính tình gia trưởng luôn tự ý quyết định mọi việc trong gia đình mà không bàn bạc với chị,

khi xảy ra xung đột thì mắng chửi và đuổi chị về nhà mẹ ruột. Hiện nay chị và anh Y đã ly thân được khoảng 10 tháng. Nay xét thấy vợ chồng không chung sống được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trịnh Văn Y.

Về nuôi con chung: Chị và anh Y có 01 người con chung tên Trịnh Thiên T, sinh ngày 04/3/2015, hiện con đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về chia tài sản: Chị và anh Y tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Tại biên bản hòa giải ngày 28 tháng 5 năm 2018 và tại phiên tòa anh Trịnh Văn Y trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn như chị T trình bày. Trong quá trình chung sống có đôi khi do công việc quá bận rộn anh cũng có sơ suất không quan tâm đến vợ con, nhưng anh xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng. Tuy nhiên, chị T yêu cầu ly hôn anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 01 người con chung tên Trịnh Thiên T, sinh ngày 04/3/2015, hiện con đang sống chung với chị T. Anh đồng ý giao con cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con nhưng hiện nay do hoàn cảnh khó khăn anh chỉ có khả năng cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng.

Về chia tài sản: Anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh Y không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: Chị Thang Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trịnh Văn Y, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú tại Ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

[2]. Về hôn nhân: Chị Thang Thanh T và anh Trịnh Văn Y tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển 01 ngày 23/4/2012 nên hôn nhân của chị T và anh Y là hôn nhân hợp pháp. Chị T xác định trong quá trình chung sống anh Y không quan tâm, lo lắng cho vợ con, tính tình gia trưởng luôn tự ý quyết định mọi việc trong gia đình mà không bàn bạc với chị, khi

xảy ra xung đột thì mắng chửi và đuổi chị về nhà mẹ ruột nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Y nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Y. Anh Y thừa nhận trong quá trình chung sống thì vợ chồng cũng có mâu thuẫn đôi khi do công việc quá bận rộn anh cũng có sơ suất không quan tâm đến vợ con, nhưng anh xét thấy vợ chồng không có mâu thuẫn gì nghiêm trọng nhưng chị T yêu cầu ly hôn anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân giữa chị T với anh Y đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, trái với nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cho Chị T và anh Y ly hôn với nhau.

[3]. Về con chung: Chị Thanh Thanh T với anh Trịnh Văn Y có một người con chung tên Trịnh Thiên T, sinh ngày 04/3/2015, hiện con đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung. Anh Y cũng đồng ý giao người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên giao cháu T cho chị T là phù hợp. Anh Y không trực tiếp nuôi con thì có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi người con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng, anh Y đồng ý cấp dưỡng nhưng do hiện nay điều kiện khó khăn nên anh không cấp dưỡng 1.000.000 đồng, anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng 700.000 đồng. Xét thấy việc chị T yêu cầu anh Y cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng là phù hợp vì điều kiện giá cả thị trường tăng nhu cầu nuôi dưỡng người con chung là cần thiết. Mặt khác, hiện nay anh Y sống một mình và có thu nhập từ nguồn làm ruộng nên yêu cầu của chị T là có cơ sở được chấp nhận. Buộc anh Trịnh Văn Y có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi người con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án cho đến khi người con chung tròn 18 tuổi.

[5]. Về tài sản chung: Chị T và anh Y tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6]. Về nợ chung: Chị T và anh Y không có yêu cầu nên Tòa không xem xét.

[7]. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Thanh Thanh T phải chịu 300.000 đồng. Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng anh Trịnh Văn Y phải chịu 300.000 đồng.

[8]. Về quyền kháng cáo: Chị Thanh Thanh T, anh Trịnh Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Thang Thanh T về việc xin ly hôn với anh Trịnh Văn Y.

Cho chị Thang Thanh T ly hôn anh Trịnh Văn Y (chị T và anh Y có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyển 01 ngày 23/4/2012).

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Thiên T, sinh ngày 04/3/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Y không trực tiếp nuôi con thì có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh Trịnh Văn Y cấp nuôi con chung tên Trịnh Thiên T, sinh ngày 04/3/2015 mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi cháu Trịnh Thiên T tròn 18 tuổi.

*Kể từ khi chị Thang Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trịnh Văn Y chậm thi hành khoản tiền trên thì anh Y còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

4. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn: Chị Thang Thanh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chị T đã dự nộp tạm ứng án phí với số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014210 ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu. Án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng anh Trịnh Văn Y phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), anh Y có nghĩa vụ nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

5. Về quyền kháng cáo: Chị Thang Thanh T, anh Trinh Văn Y có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự ;
- UBND thị trấn R;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án DS huyện Ngọc  
Hiển;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Nghi**